

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2026/HS-PT

Ngày 29 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Nguyên

Ông Trương Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2026/HS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 18/11/1982 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 05218200XXXX; nơi cư trú: Xóm 1, thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D (chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1942; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2025 cho đến ngày 19/8/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo bị truy nã và vắng mặt tại phiên tòa.

- Người thân thích của bị cáo: Bà Lê Thị B, sinh năm: 1942 và bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm: 1973; đồng cư trú tại: Xóm 1, thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai (bà B và bà L là mẹ ruột và chị ruột của bị cáo Nguyễn Thị Minh H; đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thế Vũ, Luật sư của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nam Luật; địa chỉ: Số 55 đường Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Minh H theo chỉ định. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 10/8/2025, Nguyễn Thị Minh H điều khiển xe mô tô hiệu Vision màu xanh, biển kiểm soát 77L1 - 897.XX đi một mình từ nhà trọ ở phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai đến nhà người quen ở xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai để chơi và xin việc làm. Do không gặp được người quen nên H điều khiển xe đi về hướng phường Bình Định, tỉnh Gia Lai. Trên đường đi về, H có ghé vào chợ ở xã Tây Sơn mua bánh ít. Khi đến ngã tư đèn tín hiệu giao thông thuộc tổ dân phố An Thái, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, H điều khiển xe rẽ vào đường ĐT-636 thì thấy bà Nguyễn Thị B (bị khuyết tật bẩm sinh) đang điều khiển xe lăn bán vé số. H điều khiển xe đến gần bà B hỏi mua 05 tờ vé số; bà B lấy vé số ở trên nắp thùng nhựa trắng gắn phía trước đầu xe lăn đưa cho H. H trả 50.000 đồng và lấy 03 cái bánh ít để trên nắp thùng nhựa cho bà B và hỏi mua thêm vé số thì bà B bán tiếp 05 tờ vé số nữa. Lúc này, H quan sát thấy bà B đang đeo một túi xách màu xanh trước ngực và nghĩ rằng bên trong túi xách có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H dùng thủ đoạn hỏi bà B còn vé số trong túi xách không, đồng thời dùng tay phải mở khóa kéo ở ngăn giữa túi xách ra nhìn, kiểm tra nhưng bà B đã kéo khóa túi xách lại. Biết bên trong túi xách có tiền, H tiếp tục mở khóa kéo ngăn giữa túi xách của bà B và lấy 03 cái bánh ít đặt vào bên trong túi, rồi lén lút lấy trộm số tiền 5.500.000 đồng bên trong túi xách giấu vào túi áo khoác bên phải. Sau đó điều khiển xe mô tô về nhà người thân ở phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai để nghỉ ngơi, kiểm tra, cất giấu số tiền trộm được. Đến ngày 15/8/2025, Công an phường Bình Định, tỉnh Gia Lai triệu tập làm việc, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại số tiền 5.500.000 đồng cất giữ trong người.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã tạm giữ và xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô hiệu Vision màu xanh, biển kiểm soát 77L1 897.XX cho chủ sở hữu là ông Đặng Tuấn P và hoàn trả cho bà B số tiền 5.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 15/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai đã căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/01/2026, bị cáo H kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo H bỏ trốn, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị cáo theo quy định và việc truy nã không có kết quả.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mẹ ruột và chị ruột của bị cáo H là bà Lê Thị B và bà Nguyễn Thị Minh L đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng bổ sung thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt

hại, khắc phục hậu quả cho bị hại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo H và không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Minh H bỏ trốn, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị cáo theo quy định nhưng việc truy nã không có kết quả. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo và người thân thích của bị cáo theo quy định nhưng bị cáo vắng mặt không có lý do; bà Lê Thị B và Nguyễn Thị Minh L (là mẹ ruột và chị ruột của bị cáo H) cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng thời cũng đã có ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Để đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo vắng mặt, Tòa án cũng đã thông báo về quyền nhờ người bào chữa cho người thân thích của bị cáo để họ nhờ người bào chữa nhưng người thân thích của bị cáo không nhờ người bào chữa nên Tòa án đã yêu cầu Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai phải chỉ định người bào chữa cho bị cáo theo quy định.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch số 05/2025/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/7/2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo H theo quy định.

[2] Sáng ngày 10/8/2025 tại đoạn đường ĐT-636 thuộc tổ dân phố An Thái, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, khi đang đứng chờ mua vé số của bà Nguyễn Thị B (bị khuyết tật bẩm sinh), lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, Nguyễn Thị Minh H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 5.500.000 đồng trong túi xách của bà B rồi nhanh chóng bỏ đi.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai đã xét xử bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong vụ án này, mặc dù biết rõ bà B là người bị khuyết tật nặng, khó khăn về ngôn ngữ và vận động nhưng đề có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà B; bà B làm nghề bán vé số, có hoàn cảnh khó khăn, số tiền bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị lớn so với thu nhập của bị hại. Do đó, bị cáo

có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội đối với người khuyết tật nặng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã bị thu hồi, trả lại cho bị hại và bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng bổ sung thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, việc bị cáo giao nộp lại số tiền trộm cắp 5.500.000 đồng là sau khi hành vi phạm tội đã bị phát hiện, đây là hành vi giao nộp lại vật chứng cho cơ quan cảnh sát điều tra, không phải là hành vi lấy tài sản riêng của bản thân hay gia đình để bồi thường, đền bù thiệt hại cho bị hại. Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây không phải là tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả cho bị hại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đề nghị nêu trên của người bào chữa cho bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng truy nã nên không có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Minh H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 15/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh H.

3. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh H 09 (chín) tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2025 đến ngày 19/8/2025. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Minh H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 2 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Tòa Hình sự; Phòng GD, KT, TT và THA;
HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Sỹ